

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TỔNG QUÁT TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trần Thị Hoài

NCS Khóa II, Khoa S phạm, ĐHQGHN

Chương trình đào tạo đại học trên thế giới cũng như ở Việt Nam từ lâu đã được chia thành hai mảng lớn đó là giáo dục đại công được giảng dạy vào khoảng 1/2 thời gian đầu của khóa học và giáo dục chuyên nghiệp vào thời gian còn lại. Ở Việt Nam phần giáo dục đại công hiện nay chiếm từ 35% đến 50% tổng thời lượng trong toàn khóa học với những kiến thức chung (phần lớn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cứng), kiến thức toán và khoa học tự nhiên, kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức cơ bản của ngành; phần giáo dục chuyên nghiệp chiếm khoảng 50% đến 65% gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành, thực tập. Trường đại học với những chương trình đào tạo riêng cho mỗi ngành là nơi sản xuất và truyền bá tri thức vì những lợi ích thiết thực của con người. Tuy nhiên, truyền thống giáo dục nhân văn, giáo dục tổng quát ở các nước phát triển, xuất phát từ nhiều thế kỷ trước, nhấn mạnh đến sự phát triển toàn diện và trách nhiệm công dân của một con người, bên cạnh việc đào tạo nghề nghiệp hẹp hơn, vẫn được tiếp tục cho đến ngày nay.

1. Khái niệm về giáo dục tổng quát

Giáo dục tổng quát mở rộng các kiến thức cho mỗi sinh viên, nó bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản nhất và đào sâu thêm một hoặc hai lĩnh vực kiến thức nhằm tạo một kiến thức nền cho việc học suốt đời. Giáo dục tổng quát bắt đầu với giả thuyết rằng có một thế giới nào đó mà sinh viên chưa biết đến và để hiểu biết thế giới đó sinh viên phải biết một số kiến thức về vật lý, sinh học, toán học, hóa học, văn hóa, xã hội v.v... Giáo dục tổng quát cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản cho cuộc sống và nghề nghiệp của mỗi sinh viên trong tương lai. Mục đích của chương trình giáo dục tổng quát là dạy cho sinh viên:

- Nghĩ, viết và truyền đạt một cách rõ ràng và thuyết phục
- T duy phê phán và sáng tạo

- Hiểu và thực tập phong pháp luận nghiên cứu khoa học để tiếp cận những kiến thức cơ bản và nghiên cứu khoa học
- Định lượng đợc rõ ràng và phát triển khoa học, công nghệ (qua kiến thức về toán học, thống kê....)
- Có cái nhìn đúng đắn về hiện tại và quá khứ, về giá trị truyền thống và từ đó có ảnh hưởng tốt tới cách nghĩ, cách cảm nhận và cách hành động (qua kiến thức lịch sử)
- Kỹ năng giao tiếp cơ bản trong ít nhất một ngoại ngữ (qua kiến thức ngoại ngữ).
- Một lĩnh vực kiến thức sâu (kiến thức chuyên ngành) ngoài những kiến thức cơ bản.

Sinh viên đợc đào tạo theo chơng trình giáo dục tổng quát có *t duy phê phán*: suy luận một cách hệ thống, có nhận xét, có phê phán; *khả năng thuyết phục*: thuyết phục đồng nghiệp chấp nhận các ý tưởng, kế hoạch, dự kiến ... để cùng thực hiện; *khả năng hợp tác*: sẵn sàng cùng đồng nghiệp chia sẻ và thực hiện các nhiệm vụ đợc giao (Lê Đức Ngọc, 2003).

Từ những kinh nghiệm đào tạo theo chơng trình giáo dục tổng quát của một số nớc cho thấy nền giáo dục tổng quát đã chuẩn bị tốt cho sinh viên để họ sẵn sàng đảm nhận các vị trí công tác sau khi tốt nghiệp.

2. Tình hình giáo dục tổng quát trong chơng trình đào tạo của một số trường đại học ở các nớc phát triển

Gần đây giáo dục tổng quát đợc xem là một mảng rất cần thiết của Giáo dục đại học thế kỷ 21. Năm 1995, ở Mỹ vẫn có đến 40% số bằng cấp cử nhân thuộc về các chơng trình giáo dục tổng quát (bao gồm cả khoa học tự nhiên, xã hội và có một “phổ” trình khá rộng) dới tên gọi cử nhân “Liberal Arts” (W. R. Conner, 1998). Trong các chơng trình đào tạo khác ở đại học, đặc biệt là ở các trường đại học có truyền thống và cao cấp, nh luôn có một mảng của giáo dục tổng quát. Mảng giáo dục tổng quát ở đây không chỉ là các môn cơ bản nh toán đại công, hóa đại công, v.v... ở các năm đầu đại học nhằm chuẩn bị cho việc học các môn cơ sở và chuyên môn ở các năm sau (nh quan niệm về giáo dục đại công ở Việt Nam) mà chủ yếu lại là mảng nội dung chuẩn bị cho cuộc sống của

một công dân nh xã hội học, tâm lý học, lịch sử, triết học, về đạo đức – nhân văn, cách sống trong cộng đồng, cách làm ngời, về cách nhận thức, cách t duy v.v... (chiếm đến 50% số tín chỉ ở Mỹ).

Do vậy, ngày nay ở các nớc này vẫn có quan niệm có hai nền giáo dục đại học: nền giáo dục đại học huấn luyện nghề nghiệp và nền giáo dục đại học chuẩn bị những “ngời lãnh đạo” cho xã hội. Thực ra hai nền giáo dục đại học này không có tính loại trừ nhau và có thể diễn đạt một cách khác “Mục đích của giáo dục đại học trớc hết là phải phát triển trí tuệ cá nhân và dạy sinh viên thành những công dân có trách nhiệm, những ngời tốt. Giáo dục đại học do đó không chỉ là cung cấp “phong tiện” là đào tạo nguồn nhân lực mà còn là vì mục đích tự thân của con ngời. Trong khi đó ở các nớc đang phát triển, kể cả Liên Xô trớc đây, đặc biệt là các nớc vừa dành đợc độc lập sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, nền giáo dục đại học chủ yếu lại là nền giáo dục đại học huấn luyện nghề nghiệp” với các ngành chuyên môn hẹp và có rất ít nội dung giáo dục tổng quát, nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực để kịp thời phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nớc. Về phía nhà nớc, xây dựng cơ sở hạ tầng phải có ngay những ngời kỹ s, thiết lập hệ thống tài chính mạnh cần phải có ngay những cán bộ ngân hàng và kế toán, xây dựng hệ thống y tế cần phải có ngay những con ngời đợc đào tạo về y khoa hiện đại v.v... Về phía sinh viên, chi phí trực tiếp và gián tiếp cho giáo dục đại học là một khoản chi phí lớn và do đó nhu cầu tất yếu là phải xin đợc việc làm ngay sau khi tốt nghiệp để bù lại khoản kinh phí đã phải chi trả. Một số tổ chức tài chính quốc tế nh ngân hàng thế giới cũng khuyến cáo điều đó. Chính vì vậy, nền giáo dục đại học ở các nớc này nh chỉ chú trọng đến “kỹ năng nghề nghiệp” và hớng đến việc chuyên môn hóa sớm để có thể sẵn sàng xin việc làm cũng là một điều đơng nhiên, dễ hiểu.

Bớc vào thế kỷ 21, giáo dục tổng quát ở các nớc đã phát triển đang phải đ-ơng đầu với hai thách thức mới có liên quan với nhau. Một là vấn đề nội dung hợp lý của giáo dục tổng quát trớc những yêu cầu mới của thời đại và hai là, chi phí cho giáo dục tổng quát thờng tơng đối cao trong bối cảnh nguồn tài chính bị hạn chế và có quá nhiều “đối thủ” cạnh tranh mới, thờng tập trung vào những chơng trình nặng về dạy kỹ năng nghề nghiệp có chi phí thấp. Trong khi đó, ở các nớc đang phát triển, trường đại học quốc gia Singapore đã đ- ra một chơng trình giáo dục tổng quát mới cho sinh viên của họ với kỳ vọng sinh viên của họ có thể so sánh đợc với sinh viên của các trường đại học ở các nớc đã phát triển. Ở

Bangladesh, ủy ban vì sự tiến bộ nông thôn cũng đã thành lập một trường đại học về giáo dục tổng quát nhằm đáp ứng những khát vọng của xã hội trong việc giảm nghèo và vượt qua những khó khăn trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và việc làm. Còn cải cách giáo dục ở Hàn Quốc, người ta lại đang nhấn mạnh nhiều hơn về sự phát triển con người và xã hội, sử dụng giá trị nhân văn của người cao tuổi.

3. Tại sao các nước chú trọng đến giáo dục tổng quát

Qua một khảo sát về giáo dục đại học và xã hội gần đây (2000) người ta đã mô tả được “một người có giáo dục tổng quát tốt là người (1) có khả năng nghĩ, viết và truyền đạt một cách rõ ràng, thuyết phục, hiệu quả và có tính phê phán; (2) Am hiểu cách thu nhận kiến thức và cách nhận thức về vũ trụ, xã hội và chính bản thân mình; (3) có kiến thức rộng về các nền văn hóa khác và thời đại khác; (4) có khả năng ra quyết định có tính đến những yếu tố lịch sử với một tầm nhìn rộng; (5) biết suy nghĩ một cách có hệ thống về các vấn đề luân lý, phẩm hạnh, đạo đức v.v... và (6) có kiến thức sâu về một lĩnh vực nào đó.” Đây cũng là những yêu cầu liên quan đến “kỹ năng nhận thức” và “năng lực xã hội”, bên cạnh “kỹ năng chuyên môn” trong các chương trình đào tạo có chất lượng thực sự về huấn luyện nghề nghiệp, yêu cầu đó cũng phù hợp với thông điệp hóng dẫn t duy về giáo dục trong thế kỷ 21 của UNESCO (1996) với 4 trụ cột là “Học để biết, học để làm, học để sống với nhau và học để làm người”.

Có những con người nh vậy, về mặt xã hội, đất nước mới tạo ra được một sự liên kết xã hội, lòng khoan dung và sự tôn trọng lẫn nhau, mới tránh được một xã hội không bao giờ gồm những công dân mà chỉ có những khách hàng”. Có những con người nh vậy, về mặt kinh tế, đất nước mới có được một “xã hội học tập” để có thể luôn đổi mới về mặt quản lý và phát triển công nghệ, phát triển sản phẩm mới. Có những con người nh vậy, về mặt chính trị và chính sách, đất nước mới có được những công dân có trách nhiệm, biết cân bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, và những nhà “lãnh đạo-công dân” khi quyết định chính sách sẽ có được một tầm nhìn xa trông rộng và biết cân bằng những yếu tố xã hội. Nhìn ở một góc độ khác, có những con người nh vậy, đất nước mới có được những nhà quy hoạch bên cạnh những kỹ sư, mới có được những tổng công trình sư” bên cạnh những chuyên gia, mới có được những người biết giải quyết vấn đề của mình trên quan điểm “phát triển bền vững”. Nh vậy giáo dục tổng quát rõ ràng

là cần thiết và cấp bách, nhng vấn đề đặt ra cho các nớc đang phát triển hiện nay là

- Cách tổ chức các chơng trình cử nhân về giáo dục tổng quát và mảng giáo dục tổng quát này trong các chơng trình đào tạo huấn luyện nghề nghiệp của nền giáo dục đại học nh thế nào?

- Lựa chọn nội dung và cách đa giáo dục tổng quát vào các chơng trình đào tạo sao cho phù hợp với những đặc điểm xã hội và văn hóa của nớc mình?

4. Nội dung giáo dục tổng quát trong các chơng trình đào tạo đại học ở nớc ta

Giáo dục đại học Việt Nam trước đây có lẽ đã lấy nhân văn lịch sử làm nội dung chính, lấy khoa cử, quan trường làm mục tiêu chỉ đạo. Sau đó là ảnh hưởng của nền giáo dục Pháp nặng về tính hàn lâm, tinh hoa và từ năm 1954 là ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Quốc. Do đó, giáo dục đại học Việt Nam vẫn nằm trong xu thế chung của nền "giáo dục đại học huấn luyện nghề nghiệp" ở các nớc đang phát triển nh đã nói ở trên. Hơn nữa, do tâm lý "trọng bằng cấp", do phần lớn chi phí học đại học đợc bao cấp, do không phát triển đợc trung học dạy nghề v.v..., một phần mảng đào tạo nghề nh cũng đã đợc chuyển sang giáo dục đại học.

Do vậy giáo dục đại học Việt Nam chủ yếu nh là "học để làm". Ngay trong một số ít chơng trình đào tạo có tính chất tổng quát (thậm chí trong nội dung của giáo dục phổ thông) cũng mang nặng màu sắc "học để làm". Nhng ngay trong "học để làm", "các kỹ năng nhận thức" và "kỹ năng xã hội" cũng bị thiếu vắng. Mối tương quan giữa giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa đợc giải quyết thỏa đáng. Chơng trình giáo dục còn nặng về chuyển tải kiến thức, nặng tính hàn lâm, ít quan tâm đến kỹ năng nghề nghiệp, năng lực sáng tạo, năng lực hoạt động xã hội và năng lực tự lập nghiệp (Trần Quốc Toàn, 2004). Nghĩa là, giáo dục tổng quát còn rất mờ nhạt trong giáo dục đại học Việt Nam và đây là "một trong các điểm khác lạ của đại học nớc ta, đối con mắt của người nớc ngoài" (Dong Thiệu Tống, 2000). Ngay trong khi học chơng trình phổ thông, học sinh của chúng ta cũng chỉ chú trọng đến những môn học chính, nhất là những môn học cần thiết để vượt qua các kỳ thi tuyển. Những môn học còn lại học sinh chỉ học để đối phó hoặc thậm chí không học. Chính vì vậy khi bước vào

học đại học với chương trình học chủ yếu là “học để làm” sinh viên không có đủ một kiến thức nền để phục vụ cuộc sống cá nhân hay có thể thích ứng với những vị trí công tác mới khi xã hội yêu cầu. Thực tế hiện nay cho thấy rất nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học khối khoa học tự nhiên không thể viết một báo cáo rõ ràng, mạch lạc và tích lũy đọc quá ít kiến thức về lịch sử, địa lý... và trong tự nhiên vậy có không ít sinh viên tốt nghiệp đại học khối khoa học xã hội và nhân văn không đủ khả năng thống kê số liệu, có quá ít kiến thức về tin học thậm chí không thể soạn thảo nổi một văn bản trên phần mềm Microsoft Word...

Chương trình đào tạo đại học trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay còn có quá ít các môn học lựa chọn chỉ chiếm từ 1 đến 10% tổng thời lượng toàn khóa học. Có thể lấy chương trình đào tạo của ngành Toán học làm ví dụ: ở Trường đại học Texas A&M, số tín chỉ lựa chọn là 23 tín chỉ trên tổng số 135 tín chỉ chiếm 17,03%; Trường đại học Cal Poly Pomona, số tín chỉ lựa chọn là 57 tín chỉ trên tổng số 156 tín chỉ chiếm 36,53%; Trường đại học Bang Michigan, số tín chỉ lựa chọn là 17 tín chỉ trên tổng số 120 tín chỉ chiếm 14,16%; Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội, số đvht lựa chọn là 14 đvht trên tổng số 210 đvht chiếm 6,6%. Chính điều đó đã làm cho chương trình đào tạo đại học của chúng ta kém mềm dẻo hơn so với chương trình đào tạo của một số trường đại học ở Mỹ dẫn đến việc sinh viên Việt Nam có quá ít cơ hội lựa chọn những môn học yêu thích hoặc những kiến thức sinh viên thấy mình còn cần biết để học. Một số chương trình đào tạo của một số trường đại học có khoảng 10% thời lượng đọc lựa chọn nhưng thực tế đào tạo do nhiều yếu tố tác động như thiếu cơ sở vật chất, do thiếu đội ngũ giảng dạy,... sinh viên cũng không thể tùy chọn mà chủ yếu do thủ trưởng đơn vị đào tạo chọn chung cho từng lớp học.

Vì vậy mà chúng ta đang lo lắng sự hụt hẫng về những "Ngôi lãnh đạo", về những "Tổng công trình sư" trong tương lai. Chúng ta cũng đang băn khoăn về lòng khoan dung, về văn hóa khẩu ngữ, về việc kiểm chế những hành vi thô bạo, về tính tự chịu trách nhiệm và ý thức cộng đồng v.v... Đã đến lúc phải nghiên cứu để thiết kế mới và thiết kế lại các chương trình cử nhân về giáo dục tổng quát cũng như mảng giáo dục tổng quát này trong các chương trình khung giáo dục đại học mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tổ chức biên soạn.

Tài liệu tham khảo

1. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002)
2. *Chương trình và quy trình đào tạo đại học*. Lâm Quang Thiệp và Lê Việt Khuyến (2003). Tài liệu giảng dạy.
3. *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam*. Báo cáo tham luận tại diễn đàn quốc tế về giáo dục Việt Nam “Đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế” Trần Quốc Toàn (2004).
4. *Nhận dạng một số khoảng cách và sự khác biệt giữa thế giới và Việt Nam về giáo dục đại học trước xu thế toàn cầu hóa*. Báo cáo tham luận tại diễn đàn quốc tế về giáo dục Việt Nam “Đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế”. Phạm Phụ (2004).
5. *Xây dựng chương trình đào tạo*. Lê Đức Ngọc. Tài liệu giảng dạy.